

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về kết quả giáo dục thực tế
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin chung	709	223	193	160	133
1	Kết quả tuyển sinh	221	221			
2	Số HS bình quân/lớp theo khối	41,7	44,6	38,6	40	44,3
3	Số học sinh nữ/số học sinh nam	368/709	122/101	100/93	82/78	64/69
4	Số học sinh dân tộc thiểu số	11	2	5	3	1
5	Số học sinh khuyết tật	2	0	2	0	0
6	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	15/4	4/2	2	5/2	4
II	Kết quả đánh giá học sinh	709	223	193	160	133
II.1	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	709	223	193	160	133
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	621=88%	199=89,2 %	168=87%	137=85,6 %	117=88%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	88=12%	24=10,8%	25=13%	23=14,4%	16=12%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II.2	Số học sinh chia theo học lực	709	223	193	160	133
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	163=23%	54=24,2%	46=23,8%	38=23,8%	25=18,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	318=44,9%	112=50,2 %	81=42,0%	66=41,3%	59=44,4%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	227=32%	57=25,6%	66=34,2%	55=34,1%	49=36,8%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1=0,1%	0	0	1=0,6%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II.3	Tổng hợp kết quả cuối năm	709	223	193	160	133
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	4=0,6%	1=0,4%	1=0,5%	2=1,25%	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	163=23%	54=24,2%	46=23,8	38=23,8	25=18,8%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	318=44,9%	112=50,2 %	81=42,0	66=41,3	59=44,4%

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	3	0	2	1	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		0	1	0	0
6	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					133
7	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					133
	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					25=18,8%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					59=44,4%
	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					49=36,8%
III	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					0
1	Cấp tỉnh					1=0,1%
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
IV	Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tỷ lệ so với tổng số)					52=39,1%

Hồng Thái Đông, ngày tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Thủy